

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư

a. Tên dự án: "Trung tâm đào tạo bóng đá trẻ PVF"

b. Địa điểm thực hiện dự án

Dự án "Trung tâm đào tạo bóng đá trẻ PVF" thuộc địa giới hành chính xã Nghĩa Trụ và xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Cụ thể như sau:

- + Phía Đông: giáp đường liên tỉnh 379;
- + Phía Tây: giáp khu dân cư thôn Đan Kim;
- + Phía Nam: giáp khu dân cư ấp Kim Ngưu;
- + Phía Bắc: giáp đất sản xuất nông nghiệp.

c. Chủ dự án:

- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển tài năng bóng đá Việt Nam.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0310423397 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 14, ngày 01 tháng 03 năm 2024.

- Địa chỉ trụ sở chính: thôn Sở Đông, xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn Sở Đông, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên).

- Người đại diện theo pháp luật: **Ông Phan Thanh Cường**

Chức vụ: Tổng giám đốc.

Sinh ngày: 08/08/1981

Quốc tịch: Việt Nam

Căn cước công dân số: 001081018133

Ngày cấp: 18/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

a. Phạm vi diện tích thực hiện dự án:

- Dự án được thực hiện trên tổng diện tích 922.218,90m².

- Các hạng mục công trình: Các hạng mục công trình do Chủ đầu tư đầu tư xây dựng và tổ chức quản lý, vận hành và khai thác kinh doanh:

+ Công trình thể dục thể thao:

++ Sân vận động sức chứa 50.000 chỗ;

++ Nhà thi đấu sức chứa: 4.000 – 4.500 chỗ.

+ Công trình đào tạo, nghiên cứu (Trung tâm đào tạo bóng đá trẻ PVF)

+ Các công trình hạ tầng gồm: hệ thống giao thông, bãi đỗ xe, hệ thống cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc, hệ thống cây xanh, mặt nước, hệ thống thoát nước mưa.

+ Các công trình bảo vệ môi trường: hệ thống thu gom nước thải, các trạm bơm chuyển bậc nước thải, các điểm tập kết tạm rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường, kho chứa CTNH.

- Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư không thuộc phạm vi dự án:

+ Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng.

+ Khai thác và vận chuyển các loại nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng và san nền, thi công dự án bên ngoài phạm vi dự án.

+ Hoạt động của trạm trộn bê tông xi măng và trạm trộn bê tông nhựa phục vụ thi công nằm ngoài phạm vi dự án.

b. Quy mô dự án đầu tư:

+ Sân vận động sức chứa 50.000 chỗ ngồi, diện tích đất khoảng 211.211 m², tầng cao tự kiến 4 tầng;

+ Nhà thi đấu sức chứa 4.000 – 4.500 chỗ, diện tích đất khoảng 193.676,4 m², tầng cao tự kiến 4 tầng.

+ Trung tâm đào tạo bóng đá trẻ: đã hoàn thành đầu tư xây dựng, quy mô đào tạo 300 người.

+ Bãi đỗ xe và một số hạng mục phụ trợ khác.

1.3. Công nghệ sản xuất

Công nghệ sản xuất: Dự án là loại hình đầu tư xây dựng trung tâm đào tạo bóng đá trẻ, kết hợp sân vận động nhà thi đấu không có công nghệ sản xuất sản phẩm cụ thể.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án

Bảng 1. Bảng thống kê các hạng mục công trình dự án

Stt	Hạng mục	Thông số thiết kế
I	Các hạng mục công trình chính	
1	Sân vận động	- Xây dựng 01 sân vận động sức chứa 50.000 chỗ trên tổng diện tích 211.211,0 m ² tại ô đất có kí hiệu TDDT-01, tầng cao tự kiến 4 tầng.
2	Nhà thi đấu	- Xây dựng 01 nhà thi đấu sức chứa 4.000 – 4.500 chỗ trên

Stt	Hạng mục	Thông số thiết kế
		tổng diện tích 193.676,4 m ² tại ô đất có kí hiệu TDDT-02, tầng cao tự kiến 4 tầng.
3	Khu vực trung tâm đào tạo bóng đá trẻ PVF	- Tổng diện tích dự án đã đi vào hoạt động: 22,36ha. - Đã hoàn thiện xây dựng các hạng mục công trình và đi vào hoạt động từ năm 2017.
3.1.	Nhà văn phòng điều hành, nhà tiếp khách	- Diện tích xây dựng: 801,80 m ² . - Tổng diện tích sàn: 1.570,30 m ² ; - Chiều cao công trình: 11,35 m; - Số tầng: 02 tầng.
3.2.	Hội trường đa năng	- Diện tích xây dựng: 620,70 m ² . - Chiều cao công trình: 9,45 m; - Số tầng: 01 tầng.
3.3.	Nhà ăn, nhà ký túc xá	- Diện tích xây dựng: 1.626,90 m ² . - Tổng diện tích sàn: 11.384,20 m; - Chiều cao công trình: 35,92 m. - Số tầng: 08 tầng + 1 tum.
3.4.	Nhà tập gym, vật lý trị liệu, bể bơi	- Bể có mái che; - Diện tích xây dựng: 4.332,80 m ² . - Chiều cao công trình: 8,05 m; - Số tầng: 1 tầng.
3.5.	Sân thi đấu có khán đài	- Diện tích xây dựng: 2.400 m ² ; - Tổng diện tích sàn: 3.780 m ² . - Chiều cao công trình: 15,95 m; - Số tầng: 3 tầng.
3.6.	Sân tập ngoài trời	- Diện tích xây dựng: 231,20 m ² ; - Chiều cao công trình: 4,72 m; - Số tầng: 1 tầng.
3.7.	Kho kỹ thuật, phụ trợ	- Diện tích xây dựng: 199,10 m ² ; - Chiều cao công trình: 4,67 m; - Số tầng: 1 tầng.
3.8.	Bãi đỗ xe tập trung	- Diện tích xây dựng: 1.468,80 m ² ; - Chiều cao công trình: 43,5 m; - Số tầng: 1 tầng.
II	Các hạng mục công trình phụ trợ	
1	Hệ thống giao thông	- Hệ thống giao thông với tổng diện tích 190.352,7 m ² ; gồm các tuyến đường giao thông nội bộ kết nối các khu chức năng của dự án, tuyến đường giao thông Đông – Tây I (đoạn từ ĐT378 đến ĐT382Đ); - Đất bãi đỗ xe (ký hiệu P): Diện tích 105.066,8 m ² .
2	Hệ thống cây xanh – mặt nước	- Đất khu cây xanh: 84.420m ² . - Mặt nước (ký hiệu MN): Diện tích 7.915,2 m ² .
3	Hệ thống thoát nước mưa	Hệ thống thoát nước mưa gồm 6.587 m có cống tròn đường kính từ D800-D1000mm, cống hộp BxH=2x(2500x2000), hố ga thu, ga thăm và các cửa xả.
4	Hệ thống thoát nước thải	- Hệ thống thoát nước thải gồm 4.861 m cống tròn có

Stt	Hạng mục	Thông số thiết kế
		đường kính từ D300 đến D400. Với các hố ga thu hố ga thăm trên dọc tuyến thu gom và 01 hố bơm chuyển bậc. - 01 Trạm bơm chuyển bậc nước thải.

1.4.2. Hoạt động của dự án

a. Hoạt động của Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thu dọn mặt bằng, phá dỡ các công trình hiện hữu (nhà cửa, công trình hiện hữu); đào đắp, san lấp mặt bằng trên tổng diện tích 718.618,9 m².
- Hoạt động xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường.
- Hoạt động vận hành của phần diện tích đã được cấp phép và đi vào hoạt động trên diện tích 203.600 m².

b. Hoạt động của Dự án trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động của nhân viên tại trung tâm, sân vận động, khách tham gia sự kiện,...
- Hoạt động vận hành của các công trình thể dục – thể thao.
- Hoạt động vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật do chủ đầu tư quản lý.
- Hoạt động của các công trình bảo vệ môi trường: trạm bơm chuyển bậc nước thải, trạm trung chuyển CTR sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường; kho chứa CTNH.

*** Phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án không bao gồm các hoạt động:**

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng.
- Khai thác và vận chuyển các loại nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng và san nền, thi công dự án bên ngoài phạm vi dự án.
- Hoạt động của trạm trộn bê tông xi măng và trạm trộn bê tông nhựa phục vụ thi công nằm ngoài phạm vi dự án.
- Hoạt động xử lý nước thải tại trạm xử lý nước thải SH2 của Khu đô thị.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án có thực hiện cần chuyển đổi mục đích sử dụng khoảng 15.613 m² đất trồng lúa nước. Tuy nhiên Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và Khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP diện tích đất trồng lúa <5ha chưa tính là yếu tố nhạy cảm.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

a. Vị trí thực hiện dự án:

- Dự án "Trung tâm đào tạo bóng đá trẻ PVF" thuộc địa giới hành chính xã Nghĩa Trụ và xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Cụ thể như sau:

+ Phía Đông: giáp đường liên tỉnh 379;

- + Phía Tây: giáp khu dân cư thôn Đan Kim;
- + Phía Nam: giáp khu dân cư ấp Kim Ngưu;
- + Phía Bắc: giáp đất sản xuất nông nghiệp.
- Dự án được thực hiện trên tổng diện tích 92,22 ha. Với hiện trạng sử dụng đất như sau:

Bảng 2. Hiện trạng sử dụng đất tại khu vực thực hiện dự án

TT	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ
		(m ²)	(%)
1	Đất trung tâm đào tạo bóng đá trẻ PVF	203.599,90	22,08
1.1	Đất xây dựng công trình	9.870,10	1,07
1.2	Đất thể dục thể thao	68.752,20	7,46
1.3	Đất bãi đỗ xe	9.594,00	1,04
1.4	Đất giao thông	20.652,40	2,24
1.5	Đất cây xanh sử dụng hạn chế	56.081,70	6,08
1.6	Đất chưa sử dụng	29.397,80	3,19
1.7	Mặt nước	9.251,70	1
2	Đất công trình sản xuất, công nghiệp, TTCN, kho tàng	53.660,70	5,82
2.1	Đất xây dựng nhà xưởng	19.089,50	2,07
2.2	Đất sân bãi, cảnh quan nội bộ	34.571,20	3,75
3	Đất khác	664.958,30	72,1
3.1	Đất công trình hiện hữu	3.301,20	0,36
3.2	Đất sản xuất nông nghiệp	484.938,30	52,58
3.3	Đất nghĩa trang	2.156,80	0,23
3.4	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	1.799,10	0,2
3.5	Hồ, ao, đầm	91.733,10	9,95
3.6	Sông, suối, kênh, rạch	22.793,30	2,47
3.7	Đất giao thông	58.236,50	6,31
	Tổng diện tích ranh giới Dự án	922.218,90	100

b. Mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh.

- Khoảng cách từ dự án tới các khu dân cư xung quanh, khu kinh tế - xã hội như sau:

Dự án được triển khai tại khu vực chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp và diện tích đất nhà xưởng, đất hạ tầng kỹ thuật khác của dân cư của xã Nghĩa Trụ và xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên vì vậy tiếp giáp dự án về 4 phía chủ yếu là diện tích đất canh tác nông nghiệp và có các khu tập trung dân cư như sau:

- + Tiếp giáp ranh giới dự án về phía Tây là dân cư thôn Đan Kim.
- + Tiếp giáp ranh giới dự án về phía Đông là dân cư thôn Kim Ngưu
- Khoảng cách từ dự án tới các công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Tuyến đường tỉnh 379 (ĐT379), mặt cắt B-B, lộ giới 77m trong đó lòng đường: $2 \times (7,5 + 15) = 45\text{m}$; phân cách $2 \times 7,5 + 3,0 = 18\text{m}$; hè đường $2 \times 7,0 = 14\text{m}$ 10,5m, gần với Dự án

về phía Tây, mặt đường láng nhựa. Đây là tuyến đường có tính chất đặc biệt quan trọng đối với dự án là đường nối với các tuyến đường trong khu vực và đi các tỉnh trong nước.

+ Tuyến đường huyện 26 (ĐH26), mặt cắt 4-4, lộ giới 32m trong đó lòng đường: $2 \times 11,25 = 22,5\text{m}$; phân cách 1,5m; hè đường $2 \times 4,0 = 8\text{m}$;

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

2.1.1. Các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

a. Giai đoạn thi công

- Hoạt động giải dọn dẹp mặt bằng, san nền, thi công xây dựng các công trình chính, công trình phụ trợ, công trình bảo vệ môi trường.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, phế thải.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công.

- Các hoạt động nêu trên có khả năng tác động xấu đến môi trường như: Phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước rửa xe, chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, CTR thông thường, chất thải nguy hại (CTNH), ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường khu vực Dự án.

b. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của người dân tại các công trình nhà ở, trường học, công trình thương mại dịch vụ, khu vực công cộng trong phạm vi Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt, CTR sinh hoạt, CTR thông thường, CTNH.

- Hoạt động quản lý, vận hành Dự án có nguy cơ xảy ra sự cố ngập úng, cháy nổ, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực Dự án.

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi và khí thải.

2.1.2. Quy mô tính chất của các tác động

2.1.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công Dự án (thời điểm lớn nhất khoảng 150, không bố trí lán trại nghỉ qua đêm) với lưu lượng tối đa khoảng $6,75 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: TSS, BOD₅, Amoni, Nitrat, Phosphat, dầu mỡ động, thực vật, Coliforms.

- Nước thải từ hoạt động rửa xe chở nguyên vật liệu xây dựng trước khi ra khỏi công trường, vệ sinh máy móc, thiết bị khoảng $22,1 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: TSS, dầu mỡ, đất, cát.

b) Giai đoạn vận hành

Nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành chủ yếu là nước thải sinh hoạt nhân viên dự án và khán giả tham gia vào các hoạt động thể dục – thể thao văn hoá. Lưu lượng nước

thải của Dự án khoảng 1.300 m³/ngày (đối với ngày có tổ chức hoạt động sự kiện, lượng khán giả tiếp đón là lớn nhất). Thông số ô nhiễm đặc trưng là: TSS, BOD5, Amoni, Nitrat, Phosphat, dầu mỡ động, thực vật, Coliforms.

2.1.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi từ quá trình phá dỡ các công trình hiện hữu; đào đắp, san nền; bốc xếp, tập kết, vận chuyển nguyên vật liệu thi công, đất đá thải, phế thải; cắt vật liệu; thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; hoạt động rửa, làm sạch mặt tường trong quá trình hoàn thiện công trình. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: TSP.

- Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phương tiện thi công trên công trường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: TSP, SO_x, NO_x, CO, VOC.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động hàn, kết nối các kết cấu. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: Khói hàn, CO, NO_x.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động sơn tường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là VOCs.

- Hơi nhựa đường từ quá trình thi công đường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là H₂S.

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Dự án và từ khu vực bãi đỗ xe. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: TSP, SO₂, NO_x, CO, VOC.

- Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: TSP, SO₂, NO_x, CO.

- Mùi phát sinh từ khu vực tập kết tạm thời chất thải rắn sinh hoạt. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: CH₄, H₂S, NH₃.

- Mùi phát sinh từ hệ thống thoát nước. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: CH₄, H₂S, NH₃.

2.1.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công

- Chất thải từ quá trình bóc tầng đất mặt tại diện tích đất trồng lúa là 3.122,6m³. Thông số ô nhiễm chính là bùn hữu cơ.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang thực vật trong phạm vi Dự án với khối lượng khoảng 45.600 kg. Thành phần chủ yếu: cành cây, thực vật, ...

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện hữu trong phạm vi dự án phát sinh CTR thông thường. Thành phần chủ yếu là: gạch vỡ, bê tông thải, gỗ, sắt thép vụn, ...

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng phát sinh tối đa 1.763,96 tấn/tổng thời gian tương đương khoảng 4,43 tấn/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm chính là cát, đá, xi măng, bao bì đựng xi măng, ...

- Chất thải sinh hoạt phát sinh phát sinh từ hoạt động của công nhân trên công trường khoảng 60 kg/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm chính là thức ăn thừa, túi nilon, giấy vụn, vỏ chai...

b) Giai đoạn vận hành

- CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân tại các công trình nhà ở, trường học, công trình thương mại dịch vụ, khu vực công cộng trong phạm vi Dự án khoảng 27,91 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu là: Thực phẩm thừa, túi nilon, giấy vụn, vỏ hộp kim loại, thủy tinh.

- Chất thải sinh khối từ hoạt động chăm sóc cỏ, cây và cảnh quan khoảng 5 tấn/ngày. Thông số ô nhiễm chính là cành lá, thân cây cắt bỏ...

- Bùn nạo vét hệ thống thu gom nước thải có khối lượng khoảng 23,2 tấn/lần nạo vét (01 năm nạo vét 1 lần).

2.1.2.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 454,5 kg/năm. Thông số ô nhiễm chính gồm dầu nhớt thải, chất thải nhiễm dầu, pin, ắc quy, dụng cụ quét sơn, hộp đựng sơn...

b) Giai đoạn vận hành

CTNH phát sinh từ hoạt động vận hành hạ tầng kỹ thuật của Dự án khoảng 14,55 kg/ngày. Thành phần chính chủ yếu gồm: găng tay, giẻ lau dính dầu thải, pin thải, ắc quy thải, bóng đèn thải, bao bì mềm thải, hộp mực in thải, dầu thải.

CTNH phát sinh từ hoạt động của các khu nhà ở, các công trình thương mại dịch vụ, hoạt động vận hành chăm sóc cây xanh trong Dự án. Khối lượng phát sinh khoảng 1.436 kg/năm. Thành phần chủ yếu là: pin, ắc quy thải, bao bì, chai lọ đựng thuốc diệt côn trùng, thiết bị điện tử thải, hộp mực in thải, dầu thải, bao bì mềm đựng hóa chất phục vụ chăm sóc cây xanh, giẻ lau, bao tay nhiễm dầu nhớt.

2.1.2.5. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công (xe tải, máy đào, máy đầm, máy san, máy ủi, máy trộn vữa, xe lu) và hoạt động khoan hàn, cắt, đào, đầm.

- Độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị san ủi, đầm nén, máy trộn bê tông, máy đóng cọc, đập móng cốt thép, xe tải vận chuyển nguyên vật liệu.

b) Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung từ việc vận hành hoạt động của máy phát điện dự phòng, hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án, hoạt động sửa chữa, xây dựng của cư dân trong Dự án.

2.1.2.6. Các tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công với lưu lượng lớn nhất là 33,39 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, đất, cát, lá, cành cây.

- Dự án chiếm dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng khoảng 15.613 m² đất chuyên trồng lúa nước 2 vụ; di dời một vài ngôi mộ. Hoạt động chiếm dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án làm giảm diện tích trồng lúa, ảnh hưởng tới sinh hoạt, tâm lý, đời sống, thu nhập, việc làm, hoạt động kinh doanh, sản xuất và sinh kế của các tổ chức, cá nhân bị tác động, thay đổi hệ sinh thái khu vực xung quanh Dự án; hoạt động di dời mộ gây tác động đến vấn đề tâm linh của người dân địa phương.

- Sự cố, rủi ro trong quá trình thi công xây dựng: Sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, ngập úng cục bộ.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực Dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, đất, cát, lá, cành cây.

- Sự cố, rủi ro trong quá trình vận hành Dự án: Sự cố tai nạn lao động; sự cố sụt lún, nứt vỡ các đường ống cấp, thoát nước; sự cố tắc nghẽn rác, bùn, cát trong đường ống thoát nước; sự cố cháy nổ; sự cố giao thông; sự cố do thời tiết bất thường.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

2.3.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí 5 nhà vệ sinh di động tại Dự án; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo thực tế phát sinh theo đúng quy định. Các nhà vệ sinh lưu động được tháo dỡ sau khi kết thúc.

Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → Đơn vị chức năng hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể.

- Bố trí hệ thống thu gom là các rãnh thu có kích thước 0,5m x 0,8m và hố ga lắng cặn có kích thước 1m x 1,2m x 1m tại các khu vực phát sinh nước thải xây dựng để lắng cặn trước khi xả ra hệ thống thoát nước của khu vực.

- Bố trí 01 cầu rửa xe tại cổng chính ra vào công trường để rửa xe và vệ sinh các loại máy móc, thiết bị thi công trên công trường; nước thải phát sinh được thu gom, xử lý bằng bể lắng cát và tách dầu 02 ngăn thể tích 16 m³ (gồm 01 ngăn thể tích 6 m³ và 01 ngăn thể tích 10 m³) và tái sử dụng toàn bộ cho hoạt động rửa xe và vệ sinh các loại máy móc, thiết bị thi công trên công trường.

Quy trình xử lý: Nước thải từ hoạt động rửa xe, rửa dụng cụ thi công → Bể lắng, tách dầu → Tái sử dụng rửa xe, làm ẩm vật liệu thi công.

- Thường xuyên khơi thông hệ thống mương thoát nước mưa xung quanh khu vực thi công; dọc theo các rãnh thoát nước mưa sẽ bố trí các hố ga với khoảng cách trung bình 50 m/hố để thu bùn cát và được nạo vét định kỳ 03 tháng/lần.

b) Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Bố trí các tuyến đường ống có đường kính từ D110 đến D300 với tổng chiều dài thu gom nước thải phát sinh về Trạm xử lý nước thải với công suất 1.300 m³/ngày.đêm tại Dự án để xử lý.

- Đầu nối nước thải về 01 trạm xử lý nước thải công suất 3.000 m³/ngày.đêm (trạm xử lý không thuộc phạm vi dự án).

Công nghệ áp dụng tại các trạm xử lý nước thải: Công nghệ sinh học AO với quy trình xử lý như sau:

Nước thải từ các nguồn sau khi xử lý sơ bộ → Bể lắng sơ bộ → Rọ chắn rác → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải khu đô thị, khu dân cư tập trung (cột A) → Xả thải

+ Nước thải sau khi được xử lý sẽ đạt các tiêu chuẩn về nồng độ chất bẩn theo QCVN 14:2023/BTNMT, (cột A): Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, nước thải đô thị và khu dân cư tập trung.

2.3.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công

- Lắp đặt hàng rào bằng tôn cao khoảng 2 ÷ 2,5 m xung quanh khu vực công trường thi công, sử dụng bao lưới quanh các công trình cao tầng; sử dụng phương tiện vận chuyển được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải, không để rơi rớt vật liệu; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh;

- Bố trí 01 cầu rửa xe, cầu có diện tích 30 m² (kích thước D×R= 6,0×5,0 m) để rửa xe trước khi ra khỏi công trường.

- Tưới nước dập bụi và tạo độ ẩm tại những khu vực phát sinh nhiều bụi với tần suất từ 02 - 03 lần/ngày vào những ngày không mưa; tăng tần suất trong mùa khô.

- Tại khu vực tập kết rác thải, các thùng chứa rác thải được vệ sinh và phun chế phẩm khử mùi định kỳ 01 lần/ngày;

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình thi công đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn hoạt động tốt để giảm thiểu tối đa lượng khí thải phát sinh.

- Đối với bụi từ quá trình bã, làm sạch bề mặt công trình xây dựng, sử dụng các tấm lưới lớn, tấm bạt che phủ toàn bộ công trình, tránh thi công vào thời điểm có gió lớn; sử dụng các máy móc chà nhám có đầu hút và thu gom bụi tại đầu chà để thu gom toàn bộ bụi.

b) Giai đoạn vận hành

- Trồng cây xanh dọc các tuyến đường giao thông nội bộ và các công trình công cộng theo quy hoạch đã được phê duyệt; định kỳ quét dọn, tưới nước làm sạch mặt đường tần suất tối thiểu 02 lần/ngày vào những ngày không mưa; lắp đặt biển báo hạn chế tốc độ xe chạy trong các tuyến đường nội bộ; quy định các xe vận chuyển chở đúng trọng tải theo quy định.

- Lắp đặt điều hoà không khí và thông gió trong các khối nhà.

- Biện pháp hạn chế mùi hôi từ khu vực lưu giữ CTR: bố trí điểm tập kết CTR sinh hoạt tại vị trí cuối hướng gió; trồng dải cây xanh cách ly xung quanh; sử dụng các chế phẩm khử mùi phun tại khu vực lưu giữ CTR và trong quá trình thu gom, vận chuyển CTR trong khu vực Dự án.

- Các trạm bơm nước thải được bố trí xây dựng chìm, có thiết kế đường ống sục cạn đáy để tránh lắng cặn sinh mùi, có ống thông hơi; trồng cây xanh cách ly xung quanh khu vực trạm bơm.

- Hệ thống thoát nước được xây ngầm, các nắp cống, hố ga được đậy kín để tránh phát tán mùi hôi; thường xuyên nạo vét bùn các hố ga thu nước thải.

2.3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý CTR thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- CTR sinh hoạt: Bố trí tối thiểu 10 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích loại 60-120 lít/thùng để thu gom, phân loại CTR sinh hoạt phát sinh tại công trường thi công; chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày.

- Đối với phế thải phá dỡ công trình hiện trạng: Các loại phế thải thích hợp san nền (bê tông, gạch vỡ, xi măng, cát đá...) được thu gom và tận dụng san lấp mặt bằng của Dự án. Các loại phế thải khác không thể tận dụng (túi nilon, chai lọ thủy tinh và rác hữu cơ...) được thu gom, phân loại và thuê đơn vị thu gom vận chuyển đổ thải tại vị trí được cấp có thẩm quyền cho phép đổ thải theo quy định.

- Đối với sinh khối, CTR từ hoạt động phát quang cây cối được chuyển cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đất, đá đào được tận dụng để san lấp, đắp nền tại Dự án.

- Đối với CTR từ hoạt động thi công xây dựng: Được tận dụng để san lấp mặt bằng trong phạm vi Dự án, loại có thể tái chế được bán cho đơn vị có chức năng thu mua phế liệu; CTR khác không có khả năng tái chế hoặc không thể tận dụng được thu gom, tập kết tại công trường, chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định về quản lý CTR.

- Đối với CTR từ hoạt động nạo vét định kỳ tại hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn được chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí hệ thống các thùng chứa CTR sinh hoạt chuyên dụng có nắp đậy tại các công trình và dọc tuyến đường giao thông nội bộ trong phạm vi Dự án, đảm bảo toàn bộ CTR sinh hoạt được thu gom, phân loại tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan, cụ thể:

+Bố trí hệ thống các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy kín dung tích khoảng 120 lít - 150 lít/thùng tại các vị trí có khả năng phát sinh CTR sinh hoạt với khoảng cách khoảng 10 - 15m/thùng để thu gom, phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn theo quy định.

- Định kỳ đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý toàn bộ CTR phát sinh từ các công trình trong phạm vi Dự án.

- Hợp đồng với các đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý bùn bể tự hoại tại các công trình và bùn thải từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước trong phạm vi Dự án theo quy định với tần suất khoảng 06 tháng/lần.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ CTR thông thường, CTR sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trong quá trình thi công, xây dựng, trường hợp có hoạt động vận chuyển đất ra ngoài phạm vi Dự án để làm vật liệu san lấp thì phải tuân thủ quy định của pháp luật về khoáng sản.

2.3.4. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý CTNH

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa có nắp đậy kín với dung tích 100 - 500 lít, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường và có gắn biển cảnh báo nguy hại.

Bố trí 01 kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại diện tích 20 m² trong khuôn viên công trường (kho chứa tạm thời có kết cấu đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định và sẽ được dỡ bỏ khi kết thúc giai đoạn xây dựng);

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để chuyển giao xử lý theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt có nắp đậy, đáp ứng yêu cầu theo quy định để thu gom chất thải nguy hại.

- Các loại chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời tại 02 kho chứa chất thải nguy hại, diện tích kho 10 m² tại khu vực tập trung rác thải của Dự án. Nhà kho có mái che kín, mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn. Bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, bảo đảm lưu chứa an

toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định; định kỳ chuyển giao CTNH cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị gây ồn lớn vào cùng một thời điểm; sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng cho phép.

- Thực hiện xây dựng các hạng mục gần khu vực trường học vào thời gian nghỉ hè để tránh ảnh hưởng đến quá trình học tập, làm việc của cán bộ giáo viên và học sinh trong trường.

- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động tiếp xúc với nguồn ồn cao.

b) Giai đoạn vận hành

- Quy định tốc độ tối đa các loại xe được lưu thông trên các tuyến đường nội bộ của Dự án.

- Xây dựng nội quy, quy chế sinh hoạt trong khu vực Dự án.

- Lắp đặt máy phát điện đúng quy trình kỹ thuật để giảm ồn, chống rung và định kỳ vệ sinh, tra dầu mỡ.

- Yêu cầu các dân cư và tổ chức trong Dự án không vận chuyển nguyên vật liệu và sửa chữa công trình vào thời gian nghỉ ngơi (buổi trưa từ 12 giờ đến 13 giờ, buổi tối từ 22 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau).

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

2.3.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí các rãnh thoát nước tạm thời, cống ngang đường, không để nước mưa chảy tràn tự do qua nền đường đang thi công và đảm bảo không để bùn đất làm tắc nghẽn gây ngập úng khu vực lân cận. Chủ Dự án phải thực hiện các biện pháp sau đây:

+ Bố trí hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời với kích thước 0,5x0,5 m, cứ 50m có bố trí 01 hố ga lắng cặn; tổ chức thi công theo hình thức cuốn chiếu; thường xuyên dọn dẹp mặt bằng thi công; tập kết nguyên vật liệu theo tiến độ thi công, che chắn các khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng và không tập trung nguyên vật liệu thi công gần rãnh thoát nước. Thường xuyên khơi thông đường thoát nước mưa trong khu vực Dự án với tần suất 2 ngày/lần.

+ Quy trình xử lý: nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước tạm → hố lắng → môi trường.

+ Thường xuyên kiểm tra dọc khu vực thi công, nếu phát hiện tình trạng ngập úng cục bộ phải thực hiện khơi thông cho thoát nước, không làm đục nguồn nước bằng cách lấp đặt tấm ngăn để thu gom bùn đất.

Thi công theo từng giai đoạn để giảm tối đa tác động do nước tập trung dòng nước nhanh (diện tích cây xanh bị đốn hạ) gây quá tải cho hệ thống tiêu thoát nước khu vực. Bố trí thời gian phát quang, san nền vào mùa khô để hạn chế tối đa sự tập trung dòng chảy tràn.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất; chỉ triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thuê đất, giao đất theo quy định của pháp luật.

- Đối với lượng đất bóc hữu cơ từ diện tích đất trồng lúa hai vụ, có biện pháp phủ bạt lên phía trên bãi tập kết đất đảm bảo không phát tán bụi, không chảy tràn theo nước mưa ra khu vực xung quanh; được tận dụng để đắp, trồng cây xanh trong khu vực Dự án theo quy định.

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương; tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với cư dân, cán bộ công nhân viên; phổ biến, quán triệt công nhân lao động nghiêm túc thực hiện an ninh trật tự, không gây mất đoàn kết với cư dân xung quanh; không vận chuyển quá tải tránh rơi vãi vật liệu ra đường gây nguy hiểm cho người tham gia giao thông, làm sụt lún ảnh hưởng đến tuyến đường; tu sửa các đoạn đường bị hư hỏng do hoạt động của Dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí hệ thống nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải đảm bảo thu gom toàn bộ nước mưa trong khu đất Dự án, vượt quá khả năng chứa thì chảy vào hệ thống thoát nước và thoát qua cửa xả vào mương thoát nước chung của khu vực.

- Xây dựng, vận hành hệ thống thoát nước mưa đúng thiết kế quy hoạch được duyệt; vận hành bể thu trữ nước mưa để đảm bảo khu vực lân cận của Dự án không bị ngập úng do hoạt động của dự án.

- Bố trí cống ngang qua đường. Nước mưa sẽ được thu gom về các hố ga riêng của từng công trình để lắng trước khi thoát ra môi trường. Dọc tuyến thoát nước mưa bố trí song chắn rác, thường xuyên khơi thông hệ thống thoát nước.

+ Hệ thống thu gom nước mưa bằng các hố ga thu nước mưa dọc các tuyến đường nội bộ, chảy theo mạng lưới cống thoát nước mưa bằng bê tông cốt thép tại các tuyến đường và đưa vào các bể chứa nước mưa, xả vào các hồ cảnh quan và hệ thống thoát nước khu vực.

- Tiến hành nạo vét định kỳ hệ thống thoát nước mưa để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước cho khu vực Dự án.

- Phối hợp với chính quyền địa phương để khắc phục hiện tượng ngập úng trong trường hợp hoạt động của Dự án làm úng, ngập khu vực lân cận.

- Đảm bảo việc đầu nổi nước mưa, nước thải theo đúng quy hoạch và quy định.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về tài nguyên, môi trường; xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

+ Tuân thủ các quy định hiện hành về tài nguyên, môi trường; xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

Trong quá trình thi công phải đảm bảo về không gian, kiến trúc, cảnh quan, thân thiện với môi trường, kiến trúc của từng công trình và tổng thể toàn khu vực đảm bảo đúng chức năng sử dụng, phù hợp tính chất công trình, bố trí công trình dưới tán cây đảm bảo hạn chế tối đa ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và cảnh quan thiên nhiên khu vực.

Lập phương án hạn chế tối đa phạm vi khu vực san nền để giảm tối đa khối lượng đào đắp, giữ lại diện tích rừng tối đa.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.4.1. Chương trình giám sát môi trường

2.4.1.1. Giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

- Chương trình quan trắc nước thải định kỳ:

+ Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước thải sau xử lý tại đầu ra của Trạm XLNT công suất 200 hiện hữu đang hoạt động trước khi xả ra môi trường.

+ Thông số giám sát: BOD5; Tổng chất rắn hòa tan (TDS); Sunfua (tính theo H₂S); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

- Giám sát chất thải rắn, CTR thông thường và CTNH:

+ Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.

+ Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý CTR sinh hoạt, CTR xây dựng và CTNH.

+ Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý và tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-

BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Giám sát chất thải rắn, CTR thông thường và CTNH

- + Giám sát chất thải rắn sinh hoạt:

- + Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.

- + Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý CTR sinh hoạt, CTR xây dựng và CTNH.

- + Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý và tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải.

- + Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.4.1.2. Chương trình giám sát trong giai đoạn hoạt động

a) Giám sát chất lượng môi trường không khí xung quanh

Căn cứ vào Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, dự án không phát sinh phóng xạ nên Chủ dự án không thực hiện quan trắc môi trường không khí xung quanh.

b) Giám sát chất lượng môi trường nước thải

- Chương trình quan trắc nước thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

c) Giám sát chất lượng môi trường khí thải

Căn cứ vào khoản 2, điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường dự án không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ đối với khí thải.

d). Giám sát chất thải

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân của Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng và sử dụng các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển báo cấm không sử dụng lửa tại khu vực kho chứa nhiên liệu và các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

- Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng. Thực hiện san nền với cao độ theo đúng quy hoạch được phê duyệt, đảm bảo không gây ngập úng cho khu vực công trình chưa thực hiện hoàn trả và một số khu dân cư hiện trạng xung quanh khu vực Dự án.

- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; định kỳ thực hiện giám sát nguy cơ gây lún, nứt các công trình khu vực Dự án trong suốt quá trình thi công. Trường hợp xảy ra lún, nứt hoặc tiềm ẩn nguy cơ lún, nứt ảnh hưởng các công trình hạ tầng, tôn giáo, nhà cửa và các công trình khác phải dừng mọi hoạt động có liên quan, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khắc phục tình hình và đền bù mọi thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ra theo quy định của pháp luật.

b) Giai đoạn vận hành

- Kiểm soát quá trình vận hành, tuân thủ các yêu cầu và thông số kỹ thuật thiết kế.
- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy được trang bị tại Dự án.

3. Cam kết của Chủ dự án

3.1. Các cam kết về thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Cam kết thực hiện các quy định hiện hành của Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam về bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai và thực hiện dự án: Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, các Luật và văn bản dưới luật có liên quan.

Cam kết thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu ô nhiễm, các biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó khi sự cố môi trường xảy ra như trình bày tại chương 3 của báo cáo.

Cam kết thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã trình bày tại chương 5 của báo cáo. Báo cáo định kỳ kết quả giám sát môi trường theo đúng quy định; Định kỳ có báo cáo gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về tình hình và diễn biến của công tác bảo vệ môi trường tại Dự án.

3.2. Cam kết về tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong suốt quá trình triển khai thực hiện dự án, Chủ dự án xin cam kết tuân thủ các quy định về Bảo vệ môi trường, các tiêu chuẩn môi trường và quy chuẩn về môi trường hiện đang có hiệu lực cụ thể sau:

- Trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

+ Chất lượng không khí theo QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT.

+ Bụi và các chất vô cơ trong khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT.

+ Nước thải thi công, xây dựng theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B).

+ Chất lượng nước thải sinh hoạt theo QCVN 14:2025/BTNMT (cột A).

+ Tiếng ồn theo QCVN 26:2025/BTNMT.

+ Độ rung theo QCVN 27:2025/BTNMT.

+ Quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo đúng các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Chất lượng nước thải theo QCVN 14:2025/BTNMT (cột A)

+ Tiếng ồn theo QCVN 26:2025/BTNMT.

+ Độ rung theo QCVN 27:2025/BTNMT.

+ Quản lý chất thải rắn thông thường theo đúng các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

+ Quản lý chất thải nguy hại theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

3.3. Cam kết khác

Chủ dự án cam kết đảm bảo đầy đủ nguồn lực tài chính cho việc mua sắm, lắp đặt, vận hành hệ thống xử lý môi trường, quản lý và giám sát môi trường.

Chủ dự án cam kết thực hiện dự án đúng tiến độ và tuyệt đối tuân thủ theo các quyết định phê duyệt.

Trong quá trình triển khai dự án mọi sự hướng dẫn, khuyến cáo của cơ quan quản lý môi trường địa phương sẽ được nghiên cứu áp dụng.

Chủ dự án cam kết tuân thủ và đảm bảo các điều kiện an toàn khi thi công và vận hành dự án.

Chủ dự án cam kết hoàn thành các công trình xử lý môi trường, các biện pháp bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào vận hành chính thức.

Cam kết niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM ở địa phương, nơi thực hiện dự án để địa phương giám sát quá trình thực hiện.

Cam kết trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án luôn tuân thủ các quy chuẩn hiện hành và các Quy chuẩn Việt Nam mới được ban hành.

Chủ dự án cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp chất thải, các rủi ro, sự cố môi trường xảy ra do triển khai dự án gây ảnh hưởng đến các công trình và cộng đồng dân cư xung quanh trong thời gian cam kết theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Cam kết thực hiện vệ sinh sạch sẽ, thu dọn rác thải rơi vãi trong suốt quá trình thi công xây dựng. Trong giai đoạn vận hành, cam kết không vứt rác bừa bãi, bố trí các vị trí thu gom rác thải tại các khu vực thuộc quyền quản lý và vận hành của dự án.

Cam kết và chịu hoàn toàn trước pháp luật về các thông tin, số liệu sử dụng trong báo cáo, đặc biệt là kết quả phân tích hiện trạng môi trường và các thành viên tham gia xây dựng báo cáo.

Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các số liệu được cung cấp trong báo cáo.

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN TÀI NĂNG BÓNG ĐÁ VIỆT NAM**



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mỹ Dung